

Bản án số: 765/2022/HC-PT

Ngày 19 - 9 - 2022

V/v Khiếu kiện quyết định hành chính
trong quản lý Nhà nước về đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Mười

Các Thẩm phán: Ông Lê Văn An

Bà Nguyễn Thị Thụy Vũ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Trung - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Hồng Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 283/2022/TLPT-HC ngày 02 tháng 6 năm 2022 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong quản lý Nhà nước về đất đai*”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 28/2018/HC-ST ngày 03 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1449/2022/QĐ-PT ngày 27 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện:

1.1 Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1955 (có mặt).

1.2 Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1953 (có mặt).

Cùng địa chỉ: xã Tân Thới N, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.3 Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1950 (chết)

Những người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của bà N1:

- Bà Hồ Thị N2, sinh năm 1973; Địa chỉ: xã Xuân Thới T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà N2: Ông Tô Văn L, sinh năm 1977 (theo giấy ủy quyền ngày 15/9/2022, có mặt).

Địa chỉ: xã Tân Thới N, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Hồ Ngọc T1, sinh năm 1977; (vắng mặt)

- Bà Hồ Thị H, sinh năm 1980; (vắng mặt)
- Bà Hồ Thị G, sinh năm 1985; (vắng mặt)
- Bà Hồ Thị M, sinh năm 1987; (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: xã Xuân Thới T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.4 Ông Nguyễn Văn N3, sinh năm 1958 (có mặt).

Địa chỉ: xã Tân Thới N, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của các người khởi kiện: Ông Tô Văn L, sinh năm 1977 (có mặt).

Địa chỉ: xã Tân Thới N, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Địa chỉ: 86 Lê Thánh T, phường Bến N, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H.

Địa chỉ: 01 Lý N, thị trấn H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T2; Chức vụ: Phó Chủ tịch (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Lê Ưu T3 là Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Hóc Môn (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

3.2 Ông Nguyễn Văn G1, sinh năm 1959 (vắng mặt).

3.3 Bà Nguyễn Thị U, sinh năm: 1938 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: xã Tân Thới N, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông G1: Ông Phạm Xuân Đ, sinh năm 1987; Địa chỉ liên lạc: Phường X, quận Tân B, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

4. Người kháng cáo: Người khởi kiện Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị N1, Nguyễn Văn N3 có người đại diện theo ủy quyền là ông Tô Văn L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền thống nhất trình bày:

Nguồn gốc 4.280,9m² thuộc một phần các thửa 196, 197, 198, 260, 261, 300, 301, 303 tờ bản đồ số 7, xã Tân Thới Nhì, huyện Hóc Môn nằm trong diện tích đất do cụ Nguyễn Văn L1 đứng bộ trước năm 1975. Sau khi cụ L1 chết thì ông Nguyễn Văn K và bà Huỳnh Thị N4 quản lý sử dụng (ông K và bà N4 có các con chung là: Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn N3, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị N1, Nguyễn Văn G1, Nguyễn Thị U). Năm 1974, ông K chết thì bà N4 và các con tiếp tục sử dụng. Khi còn sống, bà N4 đã kê khai đăng ký sử dụng đất diện tích 19.200m² và đã cho ông T, ông N3 mỗi người 2000m². Bà N4 chết năm 1994

không để lại di chúc nên ông T, ông N3, ông G1, bà N, bà N1 và bà U cùng sử dụng cho đến nay.

Năm 1995, ông G1 kê khai, đăng ký đất tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã Tân Thới Nhì, huyện Hóc Môn. Năm 2009 ông G1 làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với toàn bộ phần đất trên nên phát sinh tranh chấp giữa các anh chị em của ông G1 với ông G1. Các anh chị em của ông G1 đã khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn yêu cầu chia thừa kế.

Ngày 23/4/2009, Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn có Thông báo số 05/TAHHM-TB trả lại đơn khởi kiện cho các ông bà Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn N3, Nguyễn Thị N1 và Nguyễn Thị U do nguyên đơn không xuất trình được chứng cứ chứng minh giữa các đồng thừa kế có văn bản thỏa thuận di sản của người chết để lại là tài sản chung chưa chia nên không đủ điều kiện khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung. Sau đó, các anh chị em của ông G1 có đơn gửi UBND yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai.

Ngày 02/11/2010, UBND xã Tân Thới Nhì có Thông báo số 126/TB-UBND về việc hòa giải không thành giữa ông G1 với các anh chị em trong gia đình và thông báo các bên tranh chấp liên hệ Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn để giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 01/12/2010, Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn có Thông báo số 15/TAHHM-TB trả lại đơn khởi kiện do nguyên đơn không xuất trình được chứng cứ chứng minh giữa các đồng thừa kế có văn bản thỏa thuận di sản của người chết để lại là tài sản chung.

Ngày 03/01/2014, ông G1 có đơn gửi UBND huyện Hóc Môn xin cứu xét việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 11/6/2014, Chủ tịch UBND huyện Hóc Môn ban hành Quyết định số 4670/QĐ-UBND, có nội dung: Công nhận cho ông G1 được quyền sử dụng 4.280,9m². Ông T, ông N3, bà N, bà N1, bà U không đồng ý và đã khiếu nại quyết định nêu trên.

Ngày 08/8/2015, Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 3887/QĐ-UBND có nội dung giữ nguyên Quyết định số 4670/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện Hóc Môn.

Không đồng ý với Quyết định số 3887/QĐ-UBND nêu trên, ngày 07/9/2015 và ngày 23/9/2015 ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn N3, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị N1 có đơn khởi kiện gửi Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu hủy Quyết định 3887/QĐ-UBND ngày 08/8/2015 của Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bị kiện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình bày:

Diện tích 4.280,9m² thuộc một phần các thửa 196, 197, 198, 260, 261, 262, 300, 301 và thửa 303 tờ bản đồ số 7 (theo tài liệu 02/CT-UB) xã Tân Thới Nhì có nguồn gốc do cụ L1 đứng bộ trước năm 1975. Sau khi cụ L1 chết, đất để lại cho vợ chồng ông K và bà N4 quản lý sử dụng. Năm 1974, ông K chết, đất để lại cho bà

N4 cùng các con canh tác. Hồ sơ địa chính tại UBND xã Tân Thới Nhì thể hiện: Theo Tài liệu 299/TTg, phần đất 4.280,9m² thuộc thửa 1052, 1053 và thửa 1055, tờ bản đồ số 3, loại đất ĐM và LM do bà Huỳnh Thị N4 kê khai đăng ký. Tài liệu 02/CT-UB thể hiện: Phần đất thuộc các thửa 196, 197, 198, 260, 261, 262, 300, 301 và thửa 303 tờ bản đồ số 7, xã Tân Thới Nhì, ông G1 đăng ký thửa 300 và thửa 301, các thửa còn lại không ai đăng ký. Bản đồ số năm 2005 thể hiện: Phần đất trên thuộc các phần thửa 26, 28 và thửa 44, tờ bản đồ số 61, loại đất TV và Ao. Thửa 26 và thửa 44 do ông G1 đăng ký, thửa 28 do bà Nguyễn Thị C đăng ký (bà C là em ruột ông K, là cô ruột của và G1). Kiểm tra thực địa, vị trí phần đất tranh chấp được xác định theo bản đồ hiện trạng số 77102/CNHM do Trung tâm Đo đạc bản đồ lập ngày 23/8/2010 thể hiện: Khuôn viên đất được bao bọc bởi hàng rào kẽm gai và các trụ xi măng do ông G1 làm năm 1998. Kết quả xác minh ngày 14/10/2014 và ngày 27/01/2015 tại UBND xã Tân Thới Nhì thể hiện ông G1 có quá trình quản lý sử dụng đất từ năm 1994 đến nay.

Năm 2009, ông G1 đăng ký xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì các anh chị em ngăn cản dẫn đến phát sinh tranh chấp án. Ngày 23/4/2009, Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn có Thông báo số 05/TAHHM-TB trả lại đơn khởi kiện cho các ông bà Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn N3, Nguyễn Thị N1 và Nguyễn Thị U do không đủ điều kiện khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung. Ông G1 tiếp tục có đơn tranh chấp gửi UBND xã Tân Thới Nhì. Sau khi tiến hành hòa giải nhiều lần không thành nên việc tranh chấp được giải quyết theo quy định pháp luật. Ngày 11/6/2014, Chủ tịch UBND huyện Hóc Môn ban hành Quyết định số 4670/QĐ-UBND giải quyết đơn của ông G1 tranh chấp quyền sử dụng đất đối với ông N3, ông T, bà N1 và bà U với nội dung: Công nhận quyền sử dụng diện tích 4.280,9m² thuộc một phần các thửa 196, 197, 198, 260, 261, 300, 301 và 303 tờ bản đồ số 7 (tài liệu 02/CT-UB), xã Tân Thới Nhì cho ông G1. Ghi nhận việc ông G1 tự nguyện hỗ trợ cho bà N1 150.000.000 đồng, ông T, ông N3 và bà N, mỗi người 120.000.000 đồng. Ngày 08/8/2015, Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 3887/QĐ-UBND, có nội dung: Công nhận nội dung Quyết định số 4670/QĐ-UBND. Quyết định số 3887/QĐ-UBND là đúng pháp luật nên đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các đương sự.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:

Chủ tịch UBND huyện Hóc Môn trình bày: Ngày 18/02/2014, ông G1 có đơn đề nghị Chủ tịch UBND huyện Hóc Môn giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất với ông N3, ông T, bà N, bà N1 và bà U. Do ông G1 có quá trình canh tác, sử dụng diện tích 4.280,9m² từ năm 1981 cho đến nay, phù hợp với quá trình kê khai, đăng ký đất theo Thông báo số 126/TB-UBND ngày 02/11/2010 của UBND xã Tân Thới Nhì. Trong quá trình sử dụng, ông G1 đã làm hàng rào riêng biệt từ năm 1998. Căn cứ khoản 4 Điều 5 Luật Đất đai năm 2003 thì ông G1 là người sử dụng đất ổn định và liên tục từ năm 1981 cho đến nay. Do đó, ngày 11/6/2014, Chủ tịch UBND huyện Hóc Môn ban hành Quyết định số 4670/QĐ-UBND công nhận quyền sử dụng đất 4.280,9 m² cho ông G1 là đúng pháp luật.

Ông Nguyễn Văn G1 trình bày: Xác định nguồn gốc 4.280,9m² như người khởi kiện trình bày là đúng. Năm 1981, sau khi xuất ngũ ông G1 được bà N4 cho phần đất này. Năm 1994, bà N4 chết, ông G1 tiếp tục quản lý sử dụng và đã làm hàng rào ngăn cách với các phần đất lân cận, có đăng ký sử dụng đất và được chính quyền địa phương chấp nhận. Năm 2009, ông G1 làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bị tranh chấp. Chủ tịch UBND huyện Hóc Môn ban hành Quyết định số 4670/QĐ-UBND, Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 3887/QĐ-UBND là đúng pháp luật.

Bà Nguyễn Thị U trình bày: Nguồn gốc diện tích 4.280,9m² đất tranh chấp như các đương sự trình bày là đúng. Bà N4 cho ông G1 phần đất này từ năm 1981. Ông G1 là người sử dụng đất, có làm hàng rào xung quanh. Bà U không đồng ý yêu cầu của những người khởi kiện.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 28/2018/HC-ST ngày 03 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Áp dụng Khoản 1, điểm a Khoản 2 Điều 104 Luật tổ tụng hành chính năm 2010; Khoản 1 Điều 30, Khoản 3 Điều 32, Khoản 1 Điều 157; điểm a Khoản 2 Điều 193, Khoản 1 Điều 206 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Khoản 9 Điều 3 Luật Đất đai năm 2013; Khoản 2 Điều 34 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của các ông bà Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị N1, Nguyễn Văn N3 yêu cầu hủy Quyết định số 3887/QĐ-UBND ngày 08/8/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn N3, bà Nguyễn Thị N và bà Nguyễn Thị N1 với ông Nguyễn Văn G1.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 03/01/2018, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại bản án hành chính phúc thẩm số 14/2019/HC-PT ngày 09/01/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 241; Khoản 1 Điều 30; khoản 3, Điều 32 Luật Tổ tụng Hành chính năm 2015; khoản 9 Điều 3, Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị N1, ông Nguyễn Văn N3.

2. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 28/2018/HCST ngày 03/01/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 19/4/2019, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị N1, ông Nguyễn Văn N3 có đơn đề nghị Chánh án Tòa án nhân dân tối cao xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với bản án hành chính phúc thẩm nêu trên.

Ngày 01/9/2021, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao có Quyết định kháng nghị số 35/2021/KN-HC đối với bản án hành chính phúc thẩm số 14/2019/HC-PT ngày 09/01/2019, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; Đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm, hủy bản án hành chính phúc thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm lại theo đúng quy định pháp luật.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 38/2021/KN-HC ngày 16/11/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 266, khoản 3 Điều 272 và khoản 2 Điều 274 Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 35/2021/KN-HC ngày 01/9/2021 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đối với Bản án hành chính phúc thẩm số 14/2019/HC-PT ngày 09/01/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;

2. Hủy toàn bộ Bản án hành chính phúc thẩm số 14/2019/HC-PT ngày 09/01/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện là ông Tô Văn L trình bày: UBND xã Tân Thới Nhì đã xác nhận ông G1 chỉ sử dụng 2 trên tổng số 9 thửa. Đồng thời có 2 phần đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà C và ông H1 khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông G1. Về thực tế sử dụng đất: Những người khởi kiện mới là người thực tế sử dụng đất, phía ông G1 không cung cấp được tài liệu chứng cứ xác thực cho quá trình sử dụng đất như ông G1 khai. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử tuyên sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các người khởi kiện, hủy các Quyết định của UBND các cấp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn G1 là ông Phạm Xuân Đ trình bày: Phía ông G1 vẫn khẳng định quá trình sử dụng đất là từ 1981 đến nay. Việc UBND các cấp không chấp nhận khiếu nại của người khởi kiện là đúng quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của các người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tổ tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án, các bên đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Luật Tổ tụng hành chính.

Về nội dung: Phía ông G1 cũng xác nhận là từ năm 1995 mới bắt đầu việc đào ao. Như vậy việc ông G1 cho rằng việc sử dụng đất từ 1981 là không có căn cứ. Đồng thời có 02 phần đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà C và ông H1 khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông G1. Như vậy quá trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông G1 không đảm bảo về mặt thủ tục, nội dung. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 241 Luật tố tụng hành chính, chấp nhận kháng cáo của các người khởi kiện, sửa toàn bộ Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, hủy các Quyết định bị kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của các người khởi kiện gồm ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn N3, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị N1 có người đại diện theo ủy quyền là ông Tô Văn L trong hạn luật định nên đủ điều kiện để xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của các người khởi kiện:

Các người khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định 3887/QĐ-UBND ngày 08/8/2015 của Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh về việc về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn N3, bà Nguyễn Thị N và bà Nguyễn Thị N1 với ông Nguyễn Văn G1.

Theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính và mục 5 phần V của Hướng dẫn số 01/2017/GĐ-TANDTC ngày 07/4/2017 của Tòa án nhân dân tối cao: *“Trong quá trình xét xử, Hội đồng xét xử có thẩm quyền xem xét tính hợp pháp đối với tất cả các quyết định hành chính khác có liên quan đến quyết định hành chính bị khởi kiện mà không phụ thuộc vào việc các quyết định này còn hay hết thời hiệu khởi kiện”*.

Hội đồng xét xử xét thấy, Quyết định 3887/QĐ-UBND ngày 08/8/2015 của Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh có nội dung giữ nguyên Quyết định số 4670/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện Hóc Môn về việc giải quyết đơn của ông G1 tranh chấp quyền sử dụng đất đối với ông N3, ông T, bà N1 và bà U. Do đó, để đánh giá Quyết định bị kiện một cách toàn diện, cần thiết xem xét, đánh giá Quyết định số 4670/QĐ-UBND ngày 03/01/2014 của Chủ tịch UBND huyện Hóc Môn khi giải quyết vụ án.

[2.1] Xét Quyết định số 4670/QĐ-UBND ngày 11/6/2014 của Chủ tịch UBND huyện Hóc Môn:

[2.1.1] Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành:

Diện tích 4.280,9m² thuộc một phần các thửa 196, 197, 198, 260, 261, 262, 300, 301, 303 tờ bản đồ số 7, xã Tân Thới Nhì, huyện Hóc Môn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 18/02/2014, ông Nguyễn Văn G1 tranh chấp quyền sử dụng diện tích đất trên nên ngày 11/6/2014, Chủ tịch UBND huyện Hóc Môn ban hành Quyết định số 4670/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn của ông G1 tranh chấp quyền sử dụng đất với ông N3, ông T, bà N, bà N1 và bà U là đúng quy định tại Điều 203 Luật Đất đai năm 2013.

[2.1.2] Về nội dung:

Về nguồn gốc: diện tích 4.280,9m² thuộc một phần các thửa 196, 197, 198, 260, 261, 262, 300, 301, 303 tờ bản đồ số 7, xã Tân Thới Nhì, huyện Hóc Môn mà ông Nguyễn Văn G1 yêu cầu được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nằm trong diện tích đất do cụ Nguyễn Văn L1 đứng bộ trước năm 1975. Sau khi cụ L1 chết, ông Nguyễn Văn K và bà Huỳnh Thị N4 tiếp tục sử dụng. Năm 1974, ông K chết, bà N4 và các con cùng sử dụng. Khi còn sống, bà N4 đã kê khai đăng ký sử dụng đất diện tích 19.200m² và đã cho ông T, ông N3 mỗi người 2000m². Bà N4 chết năm 1994 không để lại di chúc.

Theo hồ sơ địa chính tại UBND xã Tân Thới Nhì thể hiện: Theo tài liệu 299/TTg thì diện tích 4.280,9m² thuộc thửa 1052, 1053 và 1055 tờ bản đồ số 3, loại đất ĐM và LM do bà N4 kê khai đăng ký. Tài liệu bản đồ năm 2005 thể hiện: Các thửa 25, 26 và thửa 44, tờ bản đồ số 61 loại đất TV và Ao do ông Nguyễn Văn G1 đăng ký, thửa 28 do bà Nguyễn Thị C đăng ký.

Theo Báo cáo số 1315/UBND ngày 11/8/2017 của UBND xã Tân Thới Nhì gửi Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Hóc Môn thể hiện: Theo bản đồ và sổ bộ lưu trữ (TL 02/CT-UB) thì hiện trạng diện tích đất tranh chấp như sau:

- Thửa 301, diện tích 295m², loại đất M, do ông Trần Văn G1 kê khai đăng ký, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Quyết định số 96/QĐ-UB ngày 18/7/1998.

- Thửa 303, diện tích 39,7m², loại đất M, do ông Trần Văn G1 kê khai đăng ký, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Quyết định số 96/QĐ-UB ngày 18/7/1998.

- Thửa 260, diện tích 29,3m², loại đất M, do bà Nguyễn Thị C kê khai đăng ký, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Quyết định số 32/QĐ-UB ngày 18/4/1995.

- Thửa 300, diện tích 25,9m², loại đất LM, do ông Trần Văn H1 kê khai đăng ký, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Quyết định số 32/QĐ-UB ngày 18/4/1995.

Các thửa đất còn lại là thửa số 196, 197, 198, 261, 262 không có thông tin kê khai và chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Như vậy, trong 09 thửa đất ông G1 được công nhận quyền sử dụng tại Quyết định số 4670/QĐ-UBND ngày 11/6/2014 thì có 04 thửa đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gồm thửa 260 (cấp cho bà C), thửa số 300 (cấp cho ông

H1), thửa số 301 và 303 (cấp cho ông G1). Tại Biên bản thẩm định tại chỗ ngày 21/11/2017 có ghi nhận việc bà C, ông H1 đồng ý giao lại các phần đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông G1. Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 106 Luật đất đai 2013 và Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật đất đai thì UBND huyện Hóc Môn phải thu hồi và hủy bỏ 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà C, ông H1 thì mới có thể công nhận quyền sử dụng đất cho ông G1. UBND huyện Hóc Môn chưa ban hành Quyết định thu hồi và hủy bỏ 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà C, ông H1 nhưng đã ban hành Quyết định số 4670/QĐ-UBND ngày 11/6/2014 công nhận quyền sử dụng đất cho ông G1 đối với 09 thửa đất, trong đó có 04 thửa đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không đúng quy định pháp luật.

[2.2] Xét Quyết định số 3887/QĐ-UBND ngày 08/8/2015 của Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh:

[2.2.1] Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành:

Quyết định số 3887/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết khiếu nại đối với Quyết định số 4670/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện Hóc Môn. Như vậy, Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 3887/QĐ-UBND là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 21, 40 Luật Khiếu nại năm 2011. Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 39 Luật Khiếu nại năm 2011 thì khi giải quyết khiếu nại lần hai, người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại phải tổ chức đối thoại. Việc không tổ chức đối thoại là chưa đúng trình tự quy định.

[2.2.2] Về nội dung: Do Quyết định số 4670/QĐ-UBND được ban hành không đúng quy định pháp luật nên Quyết định số 3887/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh công nhận Quyết định số 4670 là chưa đúng.

Theo Quyết định số 4670/QĐ-UBND ngày 11/6/2014 của Chủ tịch UBND huyện Hóc Môn thì ông Nguyễn Văn G1 là người có quá trình canh tác, sử dụng ổn định và liên tục phần đất diện tích 4.280,9m² từ năm 1981. Tuy nhiên, theo Quyết định số 3887/QĐ-UBND ngày 08/8/2015 của Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh ghi nhận: Kết quả xác minh tại Biên bản làm việc ngày 14/10/2014 và ngày 27/01/2015 tại UBND xã Tân Thới Nhì thể hiện ông G1 có quá trình quản lý sử dụng đất từ năm 1994 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án ông G1 không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào chứng minh ông là người quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp từ năm 1981. Do đó, Quyết định số 4670/QĐ-UBND ngày 11/6/2014 xác định ông G1 quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp từ năm 1981 nên từ cơ sở đó công nhận cho ông G1 được quyền sử dụng toàn bộ diện tích 4.280,9m² đất đang tranh chấp là không đúng.

Việc UBND Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 3887/QĐ-UBND ngày 08/8/2015 công nhận Quyết định số 4670/QĐ-UBND ngày 11/6/2014 về việc giải quyết tranh chấp đất giữa ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn N3, bà Nguyễn Thị N1 với ông Nguyễn Văn G1 là cũng không có căn

cứ, cần thiết phải hủy các Quyết định trên để giải quyết lại cho đúng quy định, phù hợp quá trình sử dụng đất thực tế.

Việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các người khởi kiện là không đúng quy định pháp luật, gây thiệt hại đến quyền lợi ích hợp pháp của đương sự.

[3] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các người khởi kiện, sửa toàn bộ bản án sơ thẩm. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí:

- Án phí hành chính sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên các người khởi kiện không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Người bị kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

- Án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên các người khởi kiện không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241 của Luật tổ tụng Hành chính năm 2015; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các người khởi kiện ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị N1 (có người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng gồm bà Hồ Thị N2, ông Hồ Ngọc T1, bà Hồ Thị H, bà Hồ Thị G, bà Hồ Thị M), ông Nguyễn Văn N3 có người đại diện theo ủy quyền là ông Tô Văn L. Sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 28/2018/HCST ngày 03/01/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị N1 (có người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng gồm bà Hồ Thị N2, ông Hồ Ngọc T1, bà Hồ Thị H, bà Hồ Thị G, bà Hồ Thị M), ông Nguyễn Văn N3 về việc yêu cầu hủy Quyết định số 3887/QĐ-UBND ngày 08/8/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị N1, ông Nguyễn Văn N3 với ông Nguyễn Văn G1.

2. Hủy Quyết định số 4670/QĐ-UBND ngày 03/01/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn và hủy Quyết định số 3887/QĐ-UBND ngày 08/8/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về án phí:

3.1 Án phí hành chính sơ thẩm:

- Hoàn trả số tiền 200.000 (*hai trăm ngàn*) đồng tiền tạm ứng án phí ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị N1 (có người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng gồm bà Hồ Thị N2, ông Hồ Ngọc T1, bà Hồ Thị H, bà Hồ Thị G, bà Hồ Thị M), ông Nguyễn Văn N3 đã nộp theo biên lai số 09347 ngày 07/10/2015 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

- Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phải chịu 200.000 (*hai trăm ngàn*) đồng tiền án phí sơ thẩm.

3.2 Án phí hành chính phúc thẩm: Hoàn trả số tiền 300.000 (*ba trăm ngàn*) đồng cho bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị N1 (có người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng gồm bà Hồ Thị N2, ông Hồ Ngọc T1, bà Hồ Thị H, bà Hồ Thị G, bà Hồ Thị M), ông Nguyễn Văn N3, ông Tô Văn L theo các biên lai thu số 0049374, 0049375, 0049376 cùng ngày 13/8/2018 và 0044168 ngày 05/4/2018 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- Cục THADS TP. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự (10);
- Lưu: VP (5), HS (2) 22b (LTTT)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(*đã ký*)

Trần Văn Mười